

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng.
2. Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Quốc D**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hương L**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Anh D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; Chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Quốc D trình bày:

Anh Phan Quốc D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Quốc D và chị Nguyễn Thị Hương L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị L không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2019 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay. Anh D nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Thời gian chung sống thì anh D và chị L có hai người con chung tên Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2007 (giới tính: Nữ) và Phan Nguyễn Quốc M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2010 (giới tính: Nam), các con chung hiện đang sống cùng với anh D. Hiện tại thì anh D có việc làm, thu nhập ổn định nên anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hương L:

Chị L đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh D, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

- Tại Biên bản về việc ghi ý kiến con chưa thành niên đề ngày 28 tháng 7 năm 2020, cháu Phan Nguyễn Yến N và cháu Phan Nguyễn Quốc M trình bày:

Cháu N và cháu M hiện đang sống với anh D tại Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Cháu N, cháu M đều có nguyện vọng được sống cùng với anh D.

- Tại Biên bản xác M ngày 26 tháng 8 năm 2020 thì mâu thuẫn gia đình giữa anh D, chị L:

Thời gian chung sống tại địa phương thì anh D, chị L phát sinh Nền mâu thuẫn, do chị L không quan tâm, chăm sóc gia đình, làm ăn thua lỗ nên mâu thuẫn gia đình trở nên nghiêm trọng hơn, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh D, cụ thể: Anh D được ly hôn với chị L; Giao hai con chung tên Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2007 và Phan Nguyễn Quốc M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2010 cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh D không yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi; Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Phan Quốc D khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn chị Nguyễn Thị Hương L. Chị L cư trú tại Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt anh D, chị L theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, anh D, chị L đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, anh D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, còn chị L thì vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị L tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 58, quyển số: 01, ngày 07 tháng 9 năm 2006. Tại thời điểm kết hôn thì anh D, chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của anh D, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn thì anh D, chị L chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị L không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau.

[2.3] Tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Theo quy định viện dẫn thì anh D, chị L là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thế nhưng khi phát sinh mâu thuẫn thì anh, chị không tìm cách hàn gắn, mà mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cũng không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã triệu tập anh D, chị L tham gia phiên hòa giải nhưng chị L đều vắng mặt nên không hòa giải đoàn tụ được. Qua xác M tại địa phương thì thời gian chung sống anh D, chị L phát sinh Nều mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Từ đó cho thấy anh D, chị L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh D yêu cầu được ly hôn với chị L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 33, ngày 09 tháng 02 năm 2007 và Giấy khai sinh số: 167, ngày 30 tháng 7 năm 2010, của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thì anh D, chị L có hai người con chung tên Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2007 (giới tính: Nữ) và Phan Nguyễn Quốc M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2010 (giới tính: Nam). Anh D yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, còn chị L thì không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu này của anh D. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.5] Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Theo quy định viện dẫn thì anh D, chị L có quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, cũng như thỏa thuận về quyền, nghĩa của mỗi bên đối với con sau khi ly hôn, thế nhưng anh, chị không thỏa thuận được. Do đó, việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng do Hội đồng xét xử quyết định. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung đang sống cùng với anh D, cuộc sống, việc học tập của các cháu đã ổn định, các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với anh D. Anh D có việc làm, thu nhập ổn định và có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung thì giao các con chung cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp với quy định, cũng như phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Như vậy, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định viện dẫn thì chị L là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N, cháu M được sống chung với anh D. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.7] Về cấp dưỡng: Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định viện dẫn thì chị L là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.8] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.9] Như đã phân tích trên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.10] Về án phí sơ thẩm: Anh D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Quốc D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hương L.

2. Về con chung:

- Giao hai con chung tên Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2007 (giới tính: Nữ) và Phan Nguyễn Quốc M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2010 (giới tính: Nam) cho anh Phan Quốc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

- Chị Nguyễn Thị Hương L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Phan Quốc D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Quốc D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Phan Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0005148, ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Anh Phan Quốc D đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hùng – Nguyễn Văn Ngự

Cao Thành Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Ngu – Lâm Ngọc Hà

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt

